

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Công.
2. Bà Phan Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Rcom H. M. L. A**, sinh năm 1999.

Bị đơn: Anh **Nay B**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ 9, phường S, thị xã AP, tỉnh G.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/5/2022, bản tự khai lập ngày 11/5/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh B tự nguyện kết hôn ngày 26 tháng 09 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thị xã A P, tỉnh G. Quá trình chung sống ban đầu thì hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, anh B không chịu đi làm để có thu nhập lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Rcom Hà T, sinh ngày 07/9/2016 và Rcom Hà N, sinh ngày 21/10/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là 800.000 đồng/01 con/01 tháng.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 11/5/2022, bị đơn anh B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị A trình bày là đúng. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong đời sống hôn nhân dẫn đến không thể chung sống được nữa. Chị A yêu cầu giải quyết ly hôn và anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Anh B và chị A 02 con chung là Rcom Hà T, sinh ngày 07/9/2016 và Rcom Hà N, sinh ngày 21/10/2019. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/01 con/01 tháng.

- *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung*: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và cũng không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị A và anh B ly hôn.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Rcom Hà T, sinh ngày 07/9/2016 và Rcom Hà N, sinh ngày 21/10/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị A là 800.000 đồng/01 con/01 tháng.

- *Về án phí*: A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

XÉT THẤY:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị A yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa chị và anh B. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại tổ 9, phường S, thị xã A P, tỉnh G. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A P, tỉnh G có thẩm quyền giải quyết vụ án. Anh B là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B tại phiên tòa theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 09 năm 2018 tại UBND phường S, thị xã A P, tỉnh G. Theo chị A khai thì quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh B không chịu đi làm để có thu nhập lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc.

Nay chị A và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên đã sống ly thân được 04 tháng, không còn quan tâm đến nhau nên đều đồng ý ly hôn. Bản thân anh B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng anh B không hợp tác, không chấp hành việc triệu tập làm việc của Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị A và anh B tại nơi cư trú thì được biết chị A và anh B không báo cho Tổ hòa giải cơ sở biết để hòa giải, hỗ trợ khi xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B.

[3] Về việc nuôi chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của chị A là chính đáng, vì chị A trực tiếp nuôi con từ nhỏ. Việc nhận trách nhiệm nuôi 02 con của chị A xuất phát từ tình thương và trách nhiệm với con. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt và sự ổn định trong sinh hoạt, học tập của con chung, căn cứ điều 81, 82, 83, 84, 107. 110. 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần tiếp tục giao cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Rcom Hà T, sinh ngày 07/9/2016 và Rcom Hà N, sinh ngày 21/10/2019.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung cho chị với mức 800.000 đồng/tháng/con. Anh B chỉ chấp nhận mức 500.000 đồng/tháng/con. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị A là phù hợp với điều kiện về việc làm, thu nhập của anh B nên cần chấp nhận và buộc anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị A với mức 800.000 đồng/01 con/01 tháng.

[5] Về tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung. Hiện tại không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu ly hôn và anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A và anh B ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Rcom Hà T, sinh ngày 07/9/2016 và Rcom Hà N, sinh ngày 21/10/2019 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh B cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho chị A mức 800.000 đồng/01 con/01 tháng.

Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị A và cấp dưỡng nuôi con chung của anh B tính từ ngày hôm nay (28/9/2022) cho đến khi con chung thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu người phải thi hành án không tự giác thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010373 ngày 09/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A P, tỉnh G (Đã nộp xong). Buộc anh B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/9/2022, chị A có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh G để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn